

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	95% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 5% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân béo phì)	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	85-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi	90-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện Tốt	Thực hiện Tốt

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiên

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	418	0	21	40	74	138	145
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	418	0	21	40	74	138	145
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	418	0	21	40	74	138	145
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	418	0	21	40	74	138	145
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	418	0	21	40	74	138	145
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	418	0	21	40	74	138	145
1	Số trẻ cân nặng bình thường	376	0	20	37	67	127	125
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	9	0	0	1	3	4	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	402	0	21	40	68	129	144
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	16	0	0	0	6	9	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	33	0	0	2	4	7	20
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	418	0	21	40	74	138	145
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	61	0	21	40			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	357	0			74	138	145

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	
II	Loại phòng học	12	34.8 trẻ/lớp
1	Phòng học kiên cố	12	34.8 trẻ/lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4907m ²	11.73 m ² /1trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2581m ²	6.17 m ² /1trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	864m ²	2.05 m ² /1trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	864m ²	2.05 m ² /1trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	240m ²	0.57 m ² /1trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	186m ²	0.44 m ² /1trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	70m ²	0.16 m ² /1trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70m ²	0.16 m ² /1trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	142m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	12	1 bộ/lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	Sử dụng chung
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập	21	
1	Máy vi tính	12	1 bộ/lớp
2	Máy chiếu	01	Sử dụng chung
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	12	1 cái/lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2m ² /1 phòng		20m ² /1 phòng		0.5m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiến

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42			20	6	6	11	10	12	6				
I	Giáo viên	25			16	5	4		10	12	3				
1	Nhà trẻ	5			3		2		4		1				
2	Mẫu giáo	20			13	5	2		6	12	2				
II	Cán bộ quản lý	3			3						3				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	14			1	1	1	11							
1	Nhân viên văn thư	1						1							
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	11					1	10							

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiến

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN**Chương: 622****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 6721/UBND ngày 18/12/2018 của UBND Huyện Hóc Môn)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Lệ phí	0
1.2	Phí	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2.1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
2.2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
3.1	Lệ phí	0
3.2	Phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
2	Nghiên cứu khoa học	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.768
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.874
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	455
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.439

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị**Đỗ Thị Kim Tiền**

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN
Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 tháng năm 2019

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0		
1	Số thu phí, lệ phí		0		
1.1	Lệ phí		0		
1.2	Phí		0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0		
2.1	Chi sự nghiệp.....		0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
2.2	Chi quản lý hành chính		0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		0		
3.1	Lệ phí		0		
3.2	Phí		0		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0		
1	Chi quản lý hành chính		0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
2	Nghiên cứu khoa học		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.768	2.998	74	54
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.874	2.500	43	44
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	455	62	14	10
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.439	436	18	0

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN
Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 tháng năm 2019

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0		
1	Số thu phí, lệ phí		0		
1.1	Lệ phí		0		
1.2	Phí		0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0		
2.1	Chi sự nghiệp.....		0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
2.2	Chi quản lý hành chính		0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		0		
3.1	Lệ phí		0		
3.2	Phí		0		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0		
1	Chi quản lý hành chính		0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
2	Nghiên cứu khoa học		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.768	5.067	169	141
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.874	3.866	66	63
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	455	302	66	20
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.439	899	37	58

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiến

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN
Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
năm 2019

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0		
1	Số thu phí, lệ phí		0		
1.1	Lệ phí		0		
1.2	Phí		0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0		
2.1	Chi sự nghiệp.....		0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
2.2	Chi quản lý hành chính		0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		0		
3.1	Lệ phí		0		
3.2	Phí		0		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0		
1	Chi quản lý hành chính		0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
2	Nghiên cứu khoa học		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.768	8.104	251	239
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.874	5.871	100	100
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	455	330	73	64
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.439	1.903	78	74

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2019
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày .../.../... của....)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	1.624	1.624	949	186	0
A	Tổng số thu	1.624	1.624	949	186	0
1	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0	0
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	0	0	0	0	0
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ	489	489	0	0	0
	Giữ xe	82	82			
	Lãi tiền gửi	407	407			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	1.135	1.135	949	186	0
	Anh văn	110	110	103	7	
	Thẻ dục nhip điệu	114	114	107	7	
	Công phục vụ bán trú	417	417	375	42	
	Công phục vụ ăn sáng	364	364	364	0	
	Vệ sinh bán trú	56	56	0	56	
	Đồ dùng bán trú	74	74	0	74	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.500	2.500			
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.500	2.500	-	-	-
	Mục 6000	1.495	1.495	-	-	-
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	1.307	1.307			
6003	Lương HĐ dài hạn	188	188			
	Mục 6050	71	71	-	-	-
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc	71	71			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	Mục 6100	934	934	-	-	-
6101	Chức vụ	44	44			
6105	Làm đêm, thêm giờ	270	270			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	427	427			
6113	Phụ cấp trách nhiệm	16	16			
6115	Phụ cấp vượt khung, TN nghề	177	177			
B	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
	Mục 6000	0	0			
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương					
6002	Lương tập sự					
6003	Lương HĐ dài hạn					
	Mục 6050	0	0			
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc					
	Mục 6100	0	0			
6101	Chức vụ					
6106	Làm đêm, thêm giờ					
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề					
6113	Phụ cấp trách nhiệm					
6117	Phụ cấp vượt khung					
6149	Phụ cấp khác					

Hóc Môn, ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiến